

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2023/HNGĐ-ST

Ngày 13-03-2023

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hải

Ông Đặng Song Hoàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Lan Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa:
Bà Đặng Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 1061/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2022 về việc “Ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đặng Thị Thu T, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn T, xã S, thành phố T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Chu Việt H, sinh năm 1990.

Hộ khẩu thường trú: 211A12 Khu T, Phường B, thành phố T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Địa chỉ hiện nay: Số 19/7 đường B, phường N, thành phố T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình tố tụng tại tòa nguyên đơn bà Đặng Thị Thu T trình bày:

Bà và ông Chu Việt H tự nguyện tìm hiểu khoảng 02 năm thì tổ chức đám cưới và làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường B, thành phố T vào năm 2017. Sau khi sống chung thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến đầu năm 2021, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình, quan điểm sống trái ngược nên vợ chồng không có sự cảm thông, chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Ông H không chịu lo làm ăn để phụ giúp kinh tế cho gia đình. Vì vậy, giữa

hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi cọ; mỗi lần vợ chồng xảy ra mâu thuẫn ông H hay có lời nói xúc phạm đến bà và gia đình bà. Từ đầu năm 2022, bà và con gái về nhà bố mẹ ở Thôn T, xã S, thành phố T sinh sống và vợ chồng sống ly thân với nhau từ đó đến nay. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau.

Về con chung: Bà và ông H có 01 con chung tên Chu Khánh N, sinh ngày 07-01-2019. Bà có nguyện vọng nuôi con chung và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Chu Việt H mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án làm việc, không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn thực hiện đúng, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện đúng, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Bà Đặng Thị Thu T yêu cầu ly hôn với ông Chu Việt H có địa chỉ cư trú tại thành phố T. Căn cứ Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định đây là vụ án “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đặng Thị Thu T vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Chu Việt H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia giải quyết vụ án, triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Bà Đặng Thị Thu T và ông Chu Việt H tự nguyện tìm hiểu, chung sống có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp.

[2.2]. Xét về tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông H thì thấy: Theo bà T nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình, quan điểm sống trái ngược nên vợ chồng không có sự cảm thông, chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Ông H không chịu lo làm

ăn để phụ giúp kinh tế cho gia đình. Vì vậy, giữa hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi cọ; mỗi lần vợ chồng xảy ra mâu thuẫn ông H hay có lời nói xúc phạm đến bà và gia đình bà. Từ đầu năm 2022, bà và con gái về nhà bố mẹ ở thôn T, xã S, thành phố T sinh sống và vợ chồng sống ly thân với nhau từ đó đến nay. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau.

[2.3]. Theo xác minh tại địa phương bà Đặng Thị Thu T và ông Chu Việt H đăng ký kết hôn năm 2017 và cư trú tại địa chỉ số 211A12 Khu T, Phường B, thành phố T. Thời gian cư trú tại đây bà T và ông H không xảy ra xô xát, cãi vã, tổ dân phố chưa tiến hành hòa giải mâu thuẫn lần nào nên không nắm rõ nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông H. Từ đầu năm 2022, bà T đã đưa con chung là cháu Chu Khánh N đi nơi khác sinh sống.

[2.4]. Xét thấy, mâu thuẫn xảy ra trong quan hệ vợ chồng giữa bà T và ông H là có thật, vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, không có khả năng hàn gắn tình cảm. Do vậy, mâu thuẫn hôn nhân là trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T là phù hợp.

[2.5]. Về con chung: Bà Đặng Thị Thu T và ông Chu Việt H có 01 con chung tên Chu Khánh N, sinh ngày 07-01-2019. Bà T có nguyện vọng nuôi con chung và lại từ khi vợ chồng ly thân cháu N sống với mẹ nên xem xét giao cháu N cho bà T nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nên không xem xét.

[2.6]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí Dân sự sơ thẩm: Bà Đặng Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Thu T đối với ông Chu Việt H.

1. Về hôn nhân: Bà Đặng Thị Thu T ly hôn với ông Lê Việt H.

2. Về con chung: Bà T và ông H có 01 con chung tên Chu Khánh N, sinh ngày 07-01-2019. Bà Đặng Thị Thu T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung Chu Khánh N. Bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Ông Chu Việt H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí Dân sự sơ thẩm: Bà Đặng Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003576 ngày 01-12-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án Dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Tp. Vũng Tàu;
- TAND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- Chi cục THADS Tp. Vũng Tàu;
- UBND Phường B, thành phố T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Hương